SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3599 /TB-BVĐK	*Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc báo giá cung cấp dịch vụ: Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026

Căn cứ Luật số 55/2024/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số: 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ nhu cầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Kính mời các Công ty, doanh nghiệp quan tâm thực hiện gửi báo giá: Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

2. Yêu cầu báo giá gồm:

- Có giấy phép đăng ký kinh doanh Dịch vụ bảo hiểm. *(Photo công chứng).*

- Bảng báo giá. *(theo mẫu của Bệnh viện).*

- Nội dung bảo hiểm. *(Có danh mục kèm theo)*

- Thông tin của Bảng báo giá:

+ Báo giá tất cả các nội dung theo danh mục tài sản được bảo hiểm;

+ Báo giá trên đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác có liên quan (nếu có);

+ Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Có giá trị tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá;

+ Báo giá được ký đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hình thức tiếp nhận báo giá: gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, đường Lê Hữu Trác, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 11 năm 2026.

5. Các Công ty, đơn vị cung cấp báo giá phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp bằng văn bản (kèm theo Giấy ủy quyền gốc nếu người ký không phải là đại diện pháp luật).

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi rất mong nhận được báo giá.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Website Bệnh viện;
- Quý công ty;
- Lưu: VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Văn Thiều

Đơn vị:…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Đơn vị: …….

Địa chỉ: …….

Căn cứ Thông báo số: /TB-BVĐK ngày tháng năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi về việc báo giá: Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026. Chúng tôi xin báo giá Dịch vụ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro khác cho tài sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, với các thông tin sau như sau:

TT	Hạng mục bảo hiểm (Tên Tài sản cố định)	Địa điểm được bảo hiểm	Năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Giá trị tài sản VNĐ	Số tiền bảo hiểm
01								
02								
…	**…**							
	Tổng cộng							

- Báo giá trên đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác (nếu có).
- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày, kể từ ngày ký.
- Số điện thoại liên hệ: ...

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

Đóng dấu ký tên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số: 3599/TB-BVĐK ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

TT	MÃ TÀI SẢN	Tên Tài sản cố định	Nơi sử dụng	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	GTCL (31/10/2026)
I		**Trang thiết bị y tế**				**63**	**135.151.210.000**	**79.810.854.672**
1	2025.TS.0005	Máy đo độ loãng xương (Model: Dexino; Seri: STLP115-BDE; Hãng SX: Stemlad; Nước SX: Hàn Quốc	Khoa CĐHA	2025	Máy	1	1.125.000.000	847.098.214
2	2023-TS1-0548	Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp sử dụng khí EO	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	2020	Máy	1	2.925.000.000	426.562.500
3	2023-TS1-0546	Máy hấp tiệt trùng (02 cửa) NIHOPHAWA-SA500A, XX Việt Nam, SX 2021	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	2022	Máy	1	818.000.000	323.791.667
4	2023-TS1-0416	Máy lọc máu liên tục; Model: Prismaflex; Serial: PA 33067	Khoa HSTCCĐ	2021	Máy	1	1.395.000.000	377.812.500
5	2023-TS1-0376	Hệ thống trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO) kèm máy trao đổi nhiệt, model: SP-200, hãng sx: Ashitaka Factory of Terumo Corporation, xuất xứ: Nhật bản	Khoa HSTCCĐ	2022	HT	1	2.500.000.000	989.583.333
6	2023-TS1-0396	Máy giúp thở cao cấp (ASPK-0007 model EvitaV600) XX Đức, SX 2022	Khoa HSTCCĐ	2022	Máy	1	680.000.000	269.166.667
7	2023-TS1-0395	Máy giúp thở cao cấp (ASPJ-0271 model EvitaV300) XX Đức, SX 2022	Khoa HSTCCĐ	2022	Máy	1	600.000.000	237.500.000
8	2023-TS1-0024	Máy X - quang kỹ thuật số DR	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	2020	Máy	1	4.299.900.000	627.068.750
9	2023-TS1-0001	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5T	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	2020	HT	1	34.500.000.000	5.031.250.000
10	2023-TS1-0018	Máy siêu âm tổng quát Arietta 65; G3119061	Khoa Chẩn đoán Hình ảnh	2022	Máy	1	1.350.000.000	534.375.000
11	2023-TS1-0755	Thiết bị đo sàng lọc thính lực (AA222)	Khoa Tai Mũi Họng	2022	Máy	1	626.000.000	247.791.667

TT	MÃ TÀI SẢN	Tên Tài sản cố định	Nơi sử dụng	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	GTCL (31/10/2026)
12	2023-TS1-0460	Máy siêu âm tổng quát (Model: VINNO E30, XX Trung Quốc, SX 2021)	Khoa Khám bệnh	2022	Máy	1	802.180.000	317.529.583
13	2023-TS1-0170	Máy tán sỏi Laser	Khoa GMHS	2020	Máy	1	3.379.000.000	492.770.833
14	2023-TS1-0173	Máy thở cao cấp ASPK-0008 (Model EvitaV600, XX Đức, SX 2022)	Khoa GMHS	2022	Máy	1	680.000.000	269.166.667
15	2023-TS1-0134	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng (Model: Endovision Teleccam SL II, hãng Đức, sản xuất Mỹ; YU739761-P)	Khoa GMHS	2022	HT	1	2.200.000.000	870.833.333
16	2025.TS.0017	Máy theo dõi bệnh nhân	Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	2025	Máy	12	1.807.547.000	1.408.510.854
17	2025.TS.0025	Máy siêu âm tổng quát	Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	2025	Máy	1	1.709.986.000	1.332.487.458
18	2025.TS.0027	Máy X-quang kỹ thuật số chụp tổng quát	Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	2025	Máy	1	1.722.851.000	1.342.512.354
19	2025.TS.0026	Máy đo độ đàn hồi gan (Máy siêu âm cao cấp có tính năng đàn hồi gan)	Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	2025	Máy	1	1.768.951.000	1.378.435.271
20	2025.TS.0028	Hệ thống nội soi tiêu hóa (dạ dày, đại tràng)	Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	2025	Hệ thống	1	3.913.135.000	3.049.266.771
21	2026.TS.0011	Hệ thống sàng lọc máu bằng công nghệ NAT (Máy xét nghiệm máu sinh học phân tử (NAT) trong sàng lọc máu).	Khoa Huyết học	2026	Hệ thống	1	9.198.000.000	8.239.875.000
22	2026.TS.0009	Máy ly tâm lạnh Heltich (Model: ROTO SILENTA 630RS; SN:0002748)	Khoa Huyết học	2026	Máy	1	1.800.000.000	1.612.500.000

TT	MÃ TÀI SẢN	Tên Tài sản cố định	Nơi sử dụng	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	GTCL (31/10/2026)
23	2026.TS.0008	Máy xét nghiệm điện di Sebia (Model: MIDICAP PLEX PIERCING, SN:96293	Khoa Huyết học	2026	Máy	1	1.918.000.000	1.718.208.333
24	2026.TS.0012	Máy xét nghiệm miễn dịch Sysmex (Model: HISCL-5000; SN:A3084)	Khoa Huyết học	2026	Máy	1	3.066.960.000	2.747.485.000
25	2026.TS.0028	Hệ thống CT Scanner 128 lát cắt/vòng quay	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	2026	Hệ thống	1	19.090.000.000	17.101.458.333
26	2026.TS.0014	Máy chụp võng mạc Carl Zeiss (CIRRUS HD-OCT, Model: 500, SN: 500-38659)	Khoa Mắt	2026	Máy	1	2.885.000.000	2.584.479.167
27	2026.TS.0015	Máy chụp đáy mắt tự động Carl Zeiss (Model: CLARUS 500, SN:CL500-56626)	Khoa Mắt	2026	Máy	1	3.714.000.000	3.327.125.000
28	2026.TS.0018	Máy thở Drager (Model: Savita 300; SN: ASUJ-0120,ASUJ-0121,ASUJ-0125,ASUJ-0126,ASUJ-0127,ASUJ-0128,ASUJ-0129,ASUJ-0130,ASUJ-0131,ASUJ-0132,ASUJ-0133	HSTC-CĐ	2026	Máy	11	7.685.700.000	6.885.106.250
29	2026.TS.0017	Máy siêu âm Samsung (3 đầu dò) - Model: V6 - Số Seri: S446M3HY5000012Y; Đầu dò Linear: CA1-7SA, Conver : LA3-14AD, Tổng quát: PA1-SA.)	HSTC-CĐ	2026	Máy	1	1.445.000.000	1.294.479.167
30	2026.TS.0024	Máy siêu âm 2 đầu dò Alpinion (model X-CUBE 60, SN: Z01219; đầu dò Linear: SC1-7H, đầu dò conver: L3-15H)	Chẩn đoán hình ảnh	2026	Máy	1	890.000.000	797.291.667

TT	MÃ TÀI SẢN	Tên Tài sản cố định	Nơi sử dụng	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	GTCL (31/10/2026)
31	2026.TS.0029	Máy siêu âm chuyên tim 4 đầu dò: (Convex: model C253A, SN: P6E00463, Linear: model: L442, SN: P7D00056, Đầu dò tim người lớn: model: S11, SN: P7W00121. Đầu dò âm đạo : model:C41V1, SN: P6P00275) Máy chính: Model:Affiniti 70; SN: US825F0785; Hãng sản xuất: FUJIFILM Healthcare Corporation; Nước sản xuất: Nhật bản; Năm sản xuất: 2024	Khoa TMCT-LK	2026	Máy	1	3.450.000.000	3.090.625.000
32	2026.TS.0026	Máy cắt hút phẫu thuật mũi xoang VA Nouvag AG (Model: Highsurg 30, SN: 0482S2508R)	Khoa TMH	2026	HT	1	571.500.000	511.968.750
33	2026.TS.0027	Tay Khoan Phẫu thuật tai Adeor Medical AG (Model: VELOCITY ALPHA™, SN: 01847	Khoa TMH	2026	Cái	1	677.500.000	606.927.083
34	2026.TS.0003	Máy gây mê kèm monitor Dragerwerk (Model: Máy mê chính Atlan® A300. SN: ASUK-0428, ASUK-0429, ASUK-0430. Monitor (Model: VISTA 120. SN: VGSTN0008, VGSTN0007, VGSTN0001)	Khoa GMHS	2026	Máy	3	4.341.000.000	3.888.812.500
35	2026.TS.0005	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình Klyo Medical (Model: KL300 SN: 0011280825)	Khoa GMHS	2026	Cái	1	1.760.000.000	1.576.666.667
36	2026.TS.0004	Bàn mổ thủy lực Takara Belmont (model: DR-2600, SN: ET25H0030)	Khoa GMHS	2026	Cái	1	585.000.000	524.062.500
37	2026.TS.0006	Đèn mổ treo trần Dragerwerk (model: Polaris 100/200, SN: ASUJ-0025)	Khoa GMHS	2026	Bộ	1	622.000.000	557.208.333
38	2026.TS.0016	Máy cắt vi phẫu Especialidades Médicas Myr (Model: M-240)	Khoa Giải phẫu bệnh	2026	Máy	1	583.000.000	522.270.833
39	2026.TS.0025	Máy laser điều trị suy giãn tĩnh mạch chi dưới MedArt A/S (model MedArt 710)	Khoa Ngoại tổng hợp	2026	Máy	1	986.000.000	883.291.667

TT	MÃ TÀI SẢN	Tên Tài sản cố định	Nơi sử dụng	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá	GTCL (31/10/2026)
40	2026.TS.0013	Hệ thống cấy máu phát hiện vi khuẩn BD (Model: BD BACTEC FX40, SN:FFB644)	Khoa Vi sinh	2026	HT	1	1.080.000.000	967.500.000
II		**Thiết bị Công nghệ thông tin**				**14**	**9.420.100.000**	**7.850.083.333**
1	2026.TS.0043.1	Máy chủ (Server) HPE ProLiant DL380 Gen11 8SFF NC CTO Server	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2026	Máy	4	4.655.000.000	3.879.166.667
2	2026.TS.0043.2	Thiết bị SAN HPE MSA 2070 32Gb Fibre Channel LFF Storage	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2026	Bộ	2	1.587.600.000	1.323.000.000
3	2026.TS.0043.3	Thiết bị chuyển mạch SAN: HPE SN3600B 32Gb 24/8 8-port 32Gb Short Wave SFP28 Fibre Channel Switch	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2026	Cái	2	563.500.000	469.583.333
4	2026.TS.0043.4	Thiết bị lưu trữ chuyên dụng NAS	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2026	Hệ thống	2	1.029.000.000	857.500.000
5	2026.TS.0043.5	Thiết bị tường lửa (Firewall) XGS 4300 HA	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2026	Cái	2	951.000.000	792.500.000
6	2026.TS.0043.8	Thiết bị chuyển mạch trung tâm (Core switch)	Phòng Kế hoạch tổng hợp	2026	Cái	2	634.000.000	528.333.333
III		**Nhà cửa**				**8**	**78.170.000.906**	**69.031.686.475**
1	2023-TS1-0255	Nhà làm việc Khoa truyền nhiễm (cấp III)	Khoa Nhiệt Đới	2015	Tầng	2	4.079.509.906	1.169.459.508
2	2024-TS-0040	Khu Điều trị Cán bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ	Khoa Cán bộ trung cao và Điều trị theo yêu cầu	2024	Tầng	6	74.090.491.000	67.862.226.967
Tổng: I + II + III:							**222.741.310.906**	**156.692.624.481**